

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2018/DS-PT

Ngày 31 /01/2018

“V/v kiện vi phạm nghĩa vụ
trả nợ hợp đồng giao khoán tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr; ông Doãn Đình Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 và ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử Phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2017/TLPT-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2017, về việc kiện vi phạm nghĩa vụ trả nợ hợp đồng giao khoán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐ - PT ngày 02/01/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn B

Địa chỉ: Số 109 M, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn S – Chức vụ: Chủ tịch kiêm tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Quốc T – Chức vụ: Trưởng ban quản lý bảo vệ tài sản Công ty trách nhiệm hữu hạn B(theo giấy ủy quyền số 21/GUQ-CT ngày 17/11/2017).

Địa chỉ: Số 109 M, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L.

Cùng trú tại: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp P cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L:

1. Luật sư Nguyễn Duy B – Văn phòng luật sư D – T; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 67B, đường 11, khu phố 9, phường T, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Luật sư Đồng Hữu P – Văn phòng luật sư Đồng Hữu P; Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: Số 139 B, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Luật sư Lê Xuân Anh P – Chi nhánh công ty luật TNHH MTV T K; Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 159 L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Luật sư Huỳnh Phước H – Công ty luật TNHH Huỳnh Phước H và cộng sự; Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 230 N, phường 8, Quận P H, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Luật sư Đào Kim L – Công ty luật TNHH ATP; Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: số 405/85 Hậu Giang, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt tại phiên tòa.

6. Luật sư Nguyễn Đình Thái H – Văn phòng luật sư Thái H; Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: 831/9 N, tổ 52, khu phố X, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt tại phiên tòa.

7. Luật sư Chu Thị V – Công ty luật TNHH Chu V Royal; Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

8. Luật sư U– Công ty luật PN; Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 122/7 T, Phường N, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

9. Luật sư K– Văn phòng luật sư BT; Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: Số 49/AD1, xã A, huyện BT, tỉnh Bến Tre, vắng mặt tại phiên tòa.

10. Luật sư VT– Văn phòng luật sư P; Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 1183A, Khu phố 3, phường P, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt tại phiên tòa.

11. Luật sư Thái Thị Diễm P – Công ty luật TNHH MTV T; Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 10/4 L, phường Mỹ B, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt tại phiên tòa.

12. Luật sư TM- Công ty luật PN; Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 122/7 T, phường NC, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

-Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Quốc T trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn B(sau đây gọi tắt Công ty B) đầu tư 100% vốn trồng và chăm sóc cà phê trong 4 năm đầu (01 năm trồng mới và 03 năm chăm sóc). Từ năm thứ 5 trở đi hộ gia đình tự đầu tư và giao nộp sản lượng hàng năm cho Công ty B như đã cam kết theo hợp đồng giao khoán vườn cây mà hai bên đã ký kết.

Ngày 08/10/1999, giữa Công ty B với ông Nguyễn Văn Đ ký kết hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê với diện tích 0,53ha. Ông Đ, bà L nhận sang nhượng lại của ông Nguyễn Hữu L 0,4 ha cà phê trồng năm 1996 trong tổng diện tích 1,39ha mà gia đình ông L đã ký kết hợp đồng với Công ty B vào ngày 08/10/1999. Ông Đ, bà L nhận sang nhượng lại của ông Nguyễn Hải L (Nguyễn Văn L) 0,7 ha cà phê trồng năm 1996 trong tổng diện tích 0,7ha mà gia đình ông L đã ký kết hợp đồng với Công ty B vào ngày 18/11/1997.

Mặc dù Công ty B đã nhiều lần cử cán bộ đến tận gia đình Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L để thu nợ hàng năm nhưng gia đình ông bà vẫn chây ì không chịu trả nợ cho Công ty. Công ty B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả 6.339,3 kg cà phê quả tươi.

Công ty B có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Công ty B nợ sản lượngợng cà phê năm 2016 là 3.713,2 kg cà phê quả tươi.

Vì vậy, Công ty B khởi kiện, khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả 10.052,5kg cà phê quả tươi để Công ty chúng tôi thu hồi vốn về cho nhà nước.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Từ năm 1999, gia đình tôi từ quê vào cho đến nay gia đình tôi đã mua ba lần rẫy với diện tích là 1,63ha cà phê có liên quan đến Công ty B. Nay công ty khởi kiện gia đình tôi còn nợ công ty 6.339kg cà phê quả tươi nhưng vì lý do chúng tôi nợ công ty là do vườn cây bị sâu bệnh, cây cà phê xuống cấp và phải chặt phá bỏ số lượng cây nhiều, thiên tai hạn hán, đã nhiều lần gia đình chúng tôi làm đơn lên công ty yêu cầu Công ty hỗ trợ nước tưới và thuốc trừ sâu bệnh nhưng công ty không hỗ trợ cho chúng tôi nên vườn cây mỗi ngày một xuống cấp cho nên gia đình chúng tôi thu hoạch không đủ để tái đầu tư vườn cây và nộp sản lượngợng cho công ty.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung thì tôi không đồng ý với lý do: Vườn cây của tôi là do tôi mua, tôi không biết gì về việc giao khoán, tôi không ký hợp đồng giao khoán nào. Hàng năm tôi phải nộp sản lượngợng cho Công ty là do sợ bị phá vườn cây và sợ bị đánh đập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 501, Điều 506 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 24 và Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả 10.052,5kg cà phê quả tươi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của Pháp luật.

Ngày 02/10 /2017, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử Phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư m'gar để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa các luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có ý kiến như sau:

- Luật sư U cho rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm có dấu hiệu vi phạm tố tụng vì không triệu tập 05 thành viên trong hộ gia đình của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L, đồng thời không triệu tập ông Nguyễn Hải L, ông Nguyễn Hữu L và ông H là những người chuyên nhượng rẫy cà phê cho ông Đ và bà L là bỏ sót người tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh những người chuyên nhượng rẫy cà phê cho ông Đ và bà L có hợp đồng giao khoán với Công ty B hay không. Cấp sơ thẩm chưa xác minh, điều tra việc đe dọa ông Đ và bà L, chưa mời những người làm chứng, người bị xâm hại để thẩm tra. Thửa đất số 558 có phải là thửa đất số 343 hay không cũng chưa được xác minh? Chưa xác định thực địa xem đất của ông Đ, bà L có nằm trong đất của Công ty B giao khoán hay không? Việc thực hiện ký kết hợp đồng là do xí nghiệp ký kết với ông Đ, bà L là không đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm (HĐXXPT) tuyên hủy bản án sơ thẩm.

- Luật sư Lê Xuân Anh P cho rằng: hợp đồng giao khoán chưa được công chứng chứng thực. Các biên bản đối chiếu công nợ đều bị ép buộc, Công ty B có ban hành văn bản thể hiện nội dung nếu ông Đ, bà L không nộp sản lượng thì Công ty B phối hợp với các cơ quan khác để cưỡng chế, điều này thể hiện sự ép buộc của Công ty B đối với ông Đ và bà L. Tài sản (cây cà phê) trên đất là do ông Đ, bà L tự trồng và chăm sóc là tài sản riêng của ông Đ và bà L do vậy ông Đ và bà L không phải nộp sản lượng cho Công ty B.

Về tố tụng: công ty ủy quyền cho ông T tham gia suốt quá trình vụ án là không đúng. Đơn khởi kiện bổ sung không có ngày tháng nên không đủ điều kiện khởi kiện.

Căn cứ khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị HĐXXPT tuyên hủy bản án sơ thẩm.

-Luật sư TM cho rằng:

Hợp đồng giao khoán là do ông Đ ký còn bà L không ký. Công ty B không hỗ trợ gì cho ông Đ như cam kết, ông Đ có làm đơn xin hỗ trợ nhưng công ty cũng không hỗ trợ. Từ năm 1999 đến nay gia đình ông Đ, bà L tự bỏ vốn để cải tạo vườn cây, Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm định diện tích đất của ông Đ là bao nhiêu vì có nhận chuyển nhượng từ ông L và ông H, việc thẩm định giá cũng không rõ,

không thẩm định về độ tuổi cây để biết được cây cà phê hình thành từ năm nào, không thẩm định về số lượng và sản lượng quả cà phê.

Căn cứ khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị HĐXXPT tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, HĐXX và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án lời trình bày của các bên đương sự và các luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Đối với kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào các biên bản đối chiếu công nợ đề nghị HĐXX Phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS bác đơn kháng cáo và buộc bị đơn phải trả cho Công ty B sản lượng quả cà phê tính đến năm 2015 là 6.339,3kg cà phê quả tươi và sản lượng quả cà phê của năm 2016 là 3.713,2 kg cà phê quả tươi. Tổng sản lượng quả cà phê ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Công ty B là 10.052,5kg.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực Pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, của các Luật sư và ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng giao khoán tài sản là không chính xác mà cần xác định quan hệ tranh chấp là “khiếu nại vi phạm nghĩa vụ trả nợ hợp đồng giao khoán tài sản” cho đúng Pháp luật.

[2] Về nội dung: Ngày 08/10/1999, Công ty B với ông Nguyễn Văn Đ ký kết hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê với diện tích 0,53ha, sau đó vợ chồng ông Đ, bà L có nhận chuyển nhượng thêm diện tích 0,4 ha của ông Nguyễn Hữu L và 0,7 ha diện tích đất cà phê của hộ ông Nguyễn Hải L1 (Nguyễn Văn L1), số diện tích mà ông Đ và bà L nhận chuyển nhượng của ông L và ông L1 đều nằm trong diện tích đất mà Công ty B ký kết hợp đồng với ông L và ông L1.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L:

Căn cứ vào bản tự khai ngày 13/01/2017 thì ông Đ cũng đã thừa nhận gia đình ông đã mua được 1,63 ha cà phê có liên quan đến Công ty B phù hợp với diện tích mà Công ty B thu sản lượng cà phê quả tươi với hộ ông Đ, bà L. Đồng thời căn cứ vào các biên bản đối chiếu công nợ về sản lượng cà phê quả tươi qua các năm: biên bản đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2010 thì từ năm 1999 đến 2010 ông Đ có ký nhận nợ Công ty B 10.545,3kg cà phê (bút lục 144); năm 2011 bà L có ký nhận nợ Công ty B 10.364,3 kg cà phê (bút lục 143); tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/02/2013 bà L có ký nhận nợ Công ty B tính đến ngày 31/12/2012 còn nợ 8.849,3 kg cà phê (bút lục 142); tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 bà

L ký nhận nợ Công ty B 6.858,1 kg cà phê (bút lục 141); tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/01/2015 ông Đ có ký nhận nợ Công ty B 5.683,6kg (bút lục 140); tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/3/2016 bà L ký nhận nợ Công ty B tính đến hết ngày 31/12/2015 là 6.339,3 kg (bút lục 139). Như vậy, việc Công ty B và ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng giao khoán chăm sóc vườn cà phê là 0,53 ha và ông Đ, bà L nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu L 0,4 ha, ông Nguyễn Hải L1 (Nguyễn Văn L1) 0,7 ha cà phê, tổng cộng ông Đ và bà L hợp đồng với Công ty B là 1,63 ha và hàng năm vợ chồng ông Đ, bà L có giao nộp sản lượng cà phê nhưng giao không đủ sản lượng cho Công ty B là có thật, việc ông Đ cho rằng vợ chồng ông không thực hiện hợp đồng giao khoán nào với Công ty B là không có căn cứ.

Theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng vào ngày 15/3/2016 ông Đ và bà L còn nợ Công ty B sản lượng 6.339,3kg cà phê quả tươi và bà Nguyễn Thị L đã ký nhận, cũng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2017 (bút lục 70) ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận là gia đình ông Đ còn nợ của công ty 6.339 kg cà phê quả tươi nhưng vì lý do vườn cây bị sâu bệnh, cây cà phê xuống cấp và phải chặt phá số lượng cây nhiều, thiên tai, hạn hán nhiều và đã nhiều lần gia đình ông Đ làm đơn lên Công ty yêu cầu Công ty hỗ trợ nước tưới và thuốc trừ sâu bệnh nhưng Công ty không hỗ trợ, vườn cây mỗi ngày một xuống cấp cho nên gia đình ông Đ thu hoạch không đủ để đầu tư vườn cây và nộp sản lượng cà phê cho Công ty B. Từ các căn cứ trên, HĐXX Phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L mà cần chấp nhận đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của Công ty B. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Công ty B sản lượng cà phê tính đến năm 2015 là 6.339,3kg cà phê quả tươi và sản lượng cà phê của năm 2016 là 3.713,2 kg cà phê quả tươi. Tổng sản lượng cà phê ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Công ty B là 10.052,5kg.

[4] Ý kiến của các Luật sư tại phiên tòa Phúc thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hải L1 và ông H là những người bán rẫy cho ông Đ và bà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Công ty B chưa ban hành quyết định thu hồi đất của ông L và ông L mà tiếp tục giao khoán cho ông Đ là không đúng. Xét thấy các nội dung này đã được làm rõ, thể hiện qua các biên bản đối chiếu công nợ và việc xác nhận nợ giữa Công ty B với ông Đ, bà L, vợ chồng ông Đ, bà L đều thừa nhận nợ và đã ký vào biên bản đối chiếu công nợ. Việc ông Đ, bà L cho rằng ông bà ký là do bị phía công ty ép buộc nhưng không đưa ra được các căn cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ nên việc Công ty B khởi kiện ông Đ, bà L yêu cầu ông bà trả nợ là có căn cứ.

Đối với đơn khởi kiện bổ sung của Công ty B mặc dù có thiếu sót không ghi ngày tháng nhưng căn cứ vào thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của TAND huyện C và biên lai thu tạm ứng án phí ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Chi cục THA DS

huyện C đã xác định được ngày tháng năm của đơn khởi kiện bổ sung nên đơn khởi kiện bổ sung này của Công ty B là hợp lệ.

Đối với giấy ủy quyền của Công ty B ủy quyền cho ông Phan Quốc T, các Luật sư cho rằng ông T tham gia suốt quá trình tố tụng tại Tòa án huyện Cư M'gar và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là không phù hợp, giấy ủy quyền chỉ có giá trị trong giai đoạn khởi kiện. Thực tế theo giấy ủy quyền tại cấp sơ thẩm mặc dù không ghi ngày tháng nhưng có thể hiện thời hạn ủy quyền là từ ngày 20 tháng 11 năm 2016 cho đến khi kết thúc vụ kiện, đồng thời tại cấp Phúc thẩm Công ty B tiếp tục có giấy ủy quyền ngày 17 tháng 11 năm 2017 đã thể hiện rõ ông Phan Quốc T được toàn quyền tham gia giải quyết vụ kiện dân sự tại Tòa án các cấp. Do vậy ý kiến của luật sư nêu trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với ý kiến của các Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định, định giá cây cà phê, HĐXX Phúc thẩm xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Công ty B 10.052,5kg cà phê quả tươi. Đây là vụ kiện nghĩa vụ trả nợ tài sản, nên không phải thẩm định và định giá vườn cây cà phê. Do vậy ý kiến của luật sư nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự Phúc thẩm theo quy định của Pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả 10.052,5kg cà phê quả tươi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.518.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 1.217.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2014/0042379 ngày 28 tháng 11 năm 2016 và 748.600đ theo biên lai số AA/2014/0040053 ngày 03 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự Phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự Phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ theo biên lai số AA/2017/0001755 ngày 03/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Công ty trách nhiệm hữu hạn B không phải chịu án phí dân sự Phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực Pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Tuấn